

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM
Số: **18** /TB-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nam, ngày **05** tháng 4 năm 2018

THÔNG BÁO
Công khai tình hình thực hiện kiến nghị kiểm toán năm 2015
và các năm trở về trước

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam thông báo công khai tình hình thực hiện thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2015 và các năm trở về trước đến thời điểm 10/3/2018, cụ thể như sau:

A. Các văn bản triển khai thực hiện

- Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam đã có Công văn số 3368/UBND-KT ngày 21/11/2017 về việc đôn đốc, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2015.

- Sở Tài chính có Kế hoạch số 1758/KH-STC ngày 26/9/2016 triển khai thực hiện kiến nghị Kiểm toán NSDP năm 2015 của tỉnh Hà Nam và có các công văn gửi trực tiếp đôn đốc các đơn vị có những nội dung kiểm toán kiến nghị và báo cáo kết quả về Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Kiểm toán Nhà nước khu vực I.

B. Kết quả thực hiện kiến nghị đến ngày 10/03/2018

I. Kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán ngân sách địa phương năm 2015 đến ngày 10/3/2018

I.1. Tổng hợp tình hình thực hiện kiến nghị xử lý về tài chính

TT	Chi tiêu	Số kiến nghị kiểm toán	Số thực hiện của đơn vị	Số chưa thực hiện	Tỷ lệ thực hiện %
	Năm 2015	255.647.026.927	33.481.155.182	222.165.871.745	13%
I	Giảm chi thường xuyên	4.231.550.700	240.019.300	3.991.531.400	6%
1	Nộp NSNN các khoản phải nộp nhưng chưa nộp	4.231.550.700	240.019.300	3.991.531.400	6%
II	Giảm chi đầu tư xây dựng	17.687.296.059	6.943.763.134	10.743.532.925	39%
1	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	3.263.699.556	964.580.000	2.299.119.556	30%
2	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	6.879.294.116	4.505.964.169	2.373.329.947	66%
3	Nộp NSNN các khoản phải nộp nhưng chưa nộp	148.519.000	0	148.519.000	0%
4	Giảm giá trúng thầu	7.395.783.387	1.473.218.965	5.922.564.422	20%
III	Kiến nghị khác	233.728.180.168	26.297.372.748	207.430.807.420	11%

1. Tổng số kiến nghị đã thực hiện là: 33.481.155.1852 đồng, trong đó:

Giảm chi thường xuyên là: 240.019.300 đồng, giảm chi đầu tư xây dựng là: 6.943.763.134 đồng, kiến nghị khác là: 26.297.372.748 đồng.

2. Tổng số kiến nghị chưa thực hiện là: 222.165.871.745 đồng, bao gồm:

a) Giảm chi thường xuyên là: 3.991.531.400 đồng (nộp NSNN các khoản phải nộp nhưng chưa nộp)

Nguyên nhân: Do đơn vị chưa chấp hành nghiêm các kiến nghị của kiểm toán nhà nước.

b) Giảm chi đầu tư xây dựng là: 10.743.532.925 đồng, trong đó:

- Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định: 2.299.119.556 đồng

Nguyên nhân do trong năm 2017 các đơn vị chưa được bố trí vốn để thanh toán cho các công trình, khi UBND các cấp bố trí vốn, các chủ đầu tư sẽ thực hiện nộp trả NSNN.

- Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau: 2.373.329.947 đồng

Nguyên nhân: khi UBND các cấp bố trí vốn, các chủ đầu tư sẽ thực hiện lập hồ sơ thanh toán và giảm thanh toán qua Kho bạc nhà nước; một số công trình đang làm hồ sơ quyết toán sẽ giảm trừ cấp phát khi phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

- Nộp NSNN các khoản phải nộp nhưng chưa nộp: 148.519.000 đồng và giảm giá trúng thầu: 5.922.564.422 đồng

Nguyên nhân: Một phần do đơn vị chưa chấp hành nghiêm các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, mặt khác do khó khăn về nguồn lực nên chưa bố trí được vốn đầu tư để giảm trừ khi tiếp tục thanh toán.

c) Kiến nghị khác là: 207.430.807.420 đồng.

I.2. Tình hình thực hiện kiến nghị kiểm toán ngân sách địa phương năm 2015 về công tác quản lý tài chính, kế toán đến ngày 10/3/2018

1. Các kiến nghị đã thực hiện

- Kiến nghị: Tăng cường thực hiện công tác quyết toán dự án hoàn thành, nghiêm túc thực hiện đầy đủ các quy định của Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường, đẩy mạnh công tác quyết toán vốn đầu tư các dự án hoàn thành sử dụng vốn Nhà nước.

(Các giải pháp thực hiện kiến nghị tại Báo cáo 143/BC-UBND ngày 29/11/2017 của UBND tỉnh Hà Nam)

- Kiến nghị: Chấm dứt tình trạng ứng trước kế hoạch vốn mà không xác định được năm bố trí kế hoạch hoàn trả. Thực hiện nghiêm túc các quy định của Luật NSNN về ứng trước kế hoạch vốn, đảm bảo vốn ứng trước trong năm phải được thu hồi vào kế hoạch năm sau; bố trí kế hoạch vốn để thu hồi vốn ứng trước đối với số dư nợ vốn ứng trước kéo dài qua nhiều năm, tính đến 31/12/2015 là: 473.478,2 triệu đồng.

(Các giải pháp thực hiện kiến nghị tại Báo cáo 143/BC-UBND ngày 29/11/2017 của UBND tỉnh Hà Nam)

- Kiến nghị: UBND tỉnh và các đơn vị chấn chỉnh, rút kinh nghiệm:

(i). Trong công tác phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn còn tập trung vào cuối năm, chưa đảm bảo việc điều chỉnh kế hoạch vốn trước ngày 25/12 theo quy định tại Khoản 2, Điều 6 Thông tư số 86/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011.

(ii). Chưa thực hiện nghiêm túc đầy đủ các nội dung của Chỉ thị 27/CT-TTg ngày 10/10/2012, Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28/06/2013, Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 30/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ để khắc phục và xử lý dứt điểm nợ đọng XDCB trên địa bàn Tỉnh.

(iii). Việc còn để những hạn chế đã nêu trong công tác phân bổ kế hoạch vốn đầu tư, trong quản lý thực hiện các dự án đầu tư; có biện pháp để nâng cao chất lượng các công tác thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán, đấu thầu, quản lý tiến độ, quản lý chất lượng và thanh quyết toán công trình.

(Các giải pháp thực hiện kiến nghị tại Báo cáo 143/BC-UBND ngày 29/11/2017 của UBND tỉnh Hà Nam)

2. Kiến nghị chưa thực hiện

- Kiến nghị: Sở Giao thông Vận tải hướng dẫn triển khai việc điều chỉnh hàm lượng nhựa đường trong kết cấu lớp bê tông nhựa đường theo Công văn số 9297/BGTVT-KHCN ngày 31/7/2014 của Bộ Giao thông Vận tải về triển khai các giải pháp khắc phục hư hỏng “hằn lún vệt bánh xe” sau khi đưa công trình vào khai thác sử dụng trên địa bàn toàn tỉnh; Các chủ đầu tư thực hiện rà soát các dự án hiện tại đang quản lý trên địa bàn tỉnh, để điều chỉnh thiết kế hàm lượng nhựa thuộc các hạng mục mặt đường bê tông nhựa chưa thi công, đảm bảo yêu cầu về kỹ thuật và giảm chi phí đầu tư. (Kiểm toán nhà nước tính hàm lượng nhựa ở mức tối đa đối với 02 dự án của Ban quản lý Khu Đại học Nam Cao thì giá trị lớp mặt bê tông nhựa đã giảm so với giá trị hợp đồng là 7.873trđ).

Nguyên nhân chưa thực hiện: Do đơn vị chưa thực hiện nghiêm kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.

- Kiến nghị: Đề nghị Ban QLDA thực hiện nghiêm túc việc quyết toán dự án hoàn thành theo thông tư 19/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính (nay là Thông tư 09/2016/TT-BTC ngày 18/1/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn NSNN).

- Kiến nghị: Đề nghị Ban QLDA thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các nội dung trong quá trình nghiệm thu theo quy định của Nghị định 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2014, Nghị định 49/2008/NĐ-CP ngày 18/4/2008 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định 209/2004/NĐ-CP về quản lý chất lượng công trình xây dựng (từ năm 2013 Nghị định số 15/NĐ-CP ngày 06/2/2013).

Nguyên nhân chưa thực hiện: Do đơn vị chưa thực hiện nghiêm kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.

1.3. Kiến nghị kiểm toán ngân sách địa phương năm 2015 chưa thực hiện về hoàn thiện cơ chế, chính sách đến ngày 10/3/2018

- Kiến nghị: Đề nghị Bộ Tài chính thực hiện điều chỉnh hạn mức hoàn thuế cho phù hợp với yêu cầu hoàn thuế của địa phương để hoàn thuế kịp thời cho người nộp thuế theo quy định.

Nguyên nhân chưa thực hiện: Do việc thực hiện kiến nghị không thuộc thẩm quyền của đơn vị.

1.4. Kiến nghị kiểm toán ngân sách địa phương năm 2015 chưa thực hiện về kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân đến ngày 10/3/2018

- Kiến nghị: Kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam trong việc tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện hình thức đấu thầu hạn chế sai quy định và thẩm định dự án đầu tư xây dựng tuyến đường vành đai kinh tế T1 (nối QL1A với đường cao tốc cầu Giẽ - Ninh Bình tại Chằm Thị) không đảm bảo nguồn vốn thực hiện phải dừng thi công từ năm 2013 làm lãng phí nguồn vốn NSNN số tiền 103.134 triệu đồng.

- Tình hình thực hiện: Tại các Hội nghị giao ban tháng, hội nghị sơ kết, tổng kết cơ quan; Sở Kế hoạch và đầu tư đã nghiêm chỉnh rút kinh nghiệm và nhắc nhở các phòng tham mưu thuộc Sở nâng cao chất lượng công tác thẩm định dự án, thẩm định kế hoạch đấu thầu; không trình phê duyệt đấu thầu hạn chế đối với các gói thầu không đúng quy định trừ trường hợp có văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền. *(Tuy nhiên không có các biên bản trong cuộc họp, quyết định kiểm điểm để chứng minh).*

II. Kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán nông thôn mới giai đoạn 2010-2014 đến ngày 10/3/2018

II.1. Tổng hợp tình hình thực hiện kiến nghị xử lý về tài chính

- Đối với kiến nghị giảm chi đầu tư xây dựng: 2.499.572.382 đồng
- Đơn vị đã thực hiện: 1.088.748.995 đồng
- Số chưa thực hiện: 1.410.823.387 đồng, bao gồm:
 - + Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai chế độ: 32.340.326 đồng
 - + Giảm cấp phát, thanh toán các khoản quyết toán sai chế độ: 1.349.849.269 đồng
 - + Các khoản giảm chi NSNN khác: 28.633.792 đồng
- Nguyên nhân: Một phần do đơn vị chưa chấp hành nghiêm các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, mặt khác do khó khăn về nguồn lực nên chưa bố trí được vốn đầu tư để nộp NSNN và giảm trừ khi tiếp tục thanh toán.

II.2. Các kiến nghị chưa thực hiện về công tác quản lý

- Rà soát, điều chỉnh và hoàn thiện quy hoạch chi tiết, đề án xây dựng NTM các xã; phân rõ nguồn vốn lồng ghép và trực tiếp trong đề án; lập kế hoạch và dự toán hàng năm và 5 năm về các dự án hỗ trợ sản xuất và ngành nghề nông thôn theo quy định.

- UBND thành phố Phú Lý thẩm định và phê duyệt đề án xây dựng NTM của 02 xã chưa được phê duyệt.

- Trình HĐND thông qua Nghị quyết về mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho từng nội dung, công việc của chương trình NTM theo Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020.

- UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện kiểm điểm, xác định rõ trách nhiệm của từng cấp, từng cơ quan (gắn với trách nhiệm cá nhân) trong việc để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản theo Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 10/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

- Nguyên nhân chưa thực hiện: Do đơn vị chưa chấp hành nghiêm kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.

III. Kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán ngân sách địa phương năm 2013 đến ngày 10/3/2018

TT	Chỉ tiêu	Số kiến nghị kiểm toán (đồng)	Số thực hiện của đơn vị (đồng)	Số chưa thực hiện (đồng)	Tỷ lệ thực hiện (%)
	Năm 2013	13.816.726.810	709.057.736	13.107.669.074	5%
I	Các khoản tăng thu ngân sách	1.135.279.216	0	1.135.279.216	0%
1	Thuế GTGT	695.140.948		695.140.948	0%
2	Thuế TNDN	440.138.268		440.138.268	0%
II	Giảm chi thường xuyên	46.856.228	37.453.448	9.402.780	80%
1	Thu hồi nợ NSNN các khoản chi sai quy định	9.402.780		9.402.780	0%
2	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	37.453.448	37.453.448	0	100%
III	Giảm chi đầu tư xây dựng	1.877.808.567	0	1.877.808.567	0%
1	Thu hồi nợ NSNN các khoản chi sai quy định	154.457.351		154.457.351	0%
2	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	769.645.953		769.645.953	0%
3	Giảm giá trị trúng thầu	953.705.263		953.705.263	0%
III	Các khoản phải nộp, hoàn trả và quản lý qua NSNN	10.803.639.027	709.057.736	10.094.581.291	7%
1	Các khoản khác	10.803.639.027	709.057.736	10.094.581.291	7%

1. Tổng số kiến nghị đã thực hiện là: 709.057.736 đồng, trong đó:

Giảm chi thường xuyên là: 37.453.448 đồng, các khoản phải nộp, hoàn trả và quản lý qua NSNN là: 709.057.736 đồng

2. Tổng số kiến nghị chưa thực hiện là: 13.107.669.074 đồng, bao gồm:

a) Các khoản tăng thu ngân sách: 1.135.279.216 đồng (thuế GTGT: 695.140.948 đồng, thuế TNDN: 440.138.268 đồng)

Nguyên nhân: Do đơn vị chưa chấp hành nghiêm các kiến nghị của kiểm toán nhà nước.

b) Giảm chi thường xuyên là: 9.402.780 đồng (thu hồi nợ NSNN các khoản chi sai quy định)

Nguyên nhân: Do đơn vị chưa chấp hành nghiêm các kiến nghị của kiểm toán nhà nước.

c) Giảm chi đầu tư xây dựng là: 1.877.808.567 đồng, trong đó:

- Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định: 154.457.351 đồng

- Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau: 769.645.953 đồng

- Giảm giá trị trúng thầu: 953.705.263 đồng

Nguyên nhân: Do các đơn vị chưa chấp hành nghiêm các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước. Mặt khác các đơn vị chưa được bố trí vốn để thanh toán cho các công trình, khi UBND các cấp bố trí vốn, các chủ đầu tư sẽ thực hiện lập hồ sơ thanh toán, giảm thanh toán qua kho bạc nhà nước và nộp trả NSNN.

IV. Kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán ngân sách địa phương năm 2011 đến ngày 10/3/2018

TT	Chỉ tiêu	Số kiến nghị kiểm toán (đồng)	Số thực hiện của đơn vị (đồng)	Số chưa thực hiện (đồng)	Tỷ lệ thực hiện (%)
	Năm 2011	14.475.465.531	162.900.000	14.312.565.531	1%
I	Các khoản tăng thu ngân sách	2.355.500.062	40.000.000	2.315.500.062	2%
1	Thuế GTGT	683.356.062		683.356.062	0%
2	Thu tiền sử dụng đất	1.632.144.000		1.632.144.000	0%
3	Phí, lệ phí	40.000.000	40.000.000	0	100%
II	Giảm chi đầu tư xây dựng	734.706.000	0	734.706.000	0%
1	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	161.595.000		161.595.000	0%
2	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	573.111.000		573.111.000	0%
III	Các khoản phải nộp, hoàn trả và quản lý qua NSNN	11.183.744.469	0	11.183.744.469	0%
1	Các khoản khác	11.183.744.469		11.183.744.469	0%
IV	Kiến nghị xử lý khác	201.515.000	122.900.000	78.615.000	61%
1	Các khoản phải nộp khác (các quỹ ngoài ngân sách)	14.475.465.531	162.900.000	14.312.565.531	1%

1. Tổng số kiến nghị đã thực hiện là: 162.900.000 đồng, trong đó:

Các khoản tăng thu ngân sách là: 40.000.000, kiến nghị xử lý khác: 122.900.000 đồng

2. Tổng số kiến nghị chưa thực hiện là: 14.312.565.531 đồng, bao gồm:

a) Các khoản tăng thu ngân sách: 2.315.500.062 đồng (thuế GTGT: 683.356.062 đồng, thu tiền sử dụng đất: 1.632.144.000 đồng)

b) Giảm chi đầu tư xây dựng là: 734.706.000 đồng (thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định: 161.595.000, giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau: 573.111.000 đồng)

c) Các khoản phải nộp, hoàn trả và quản lý qua NSNN (các khoản khác): 11.183.744.469 đồng

d) Các khoản phải nộp khác (các quỹ ngoài ngân sách): 78.615.000 đồng

Nguyên nhân: Do đơn vị chưa chấp hành nghiêm các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.

V. Kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán ngân sách địa phương năm 2009 đến ngày 10/3/2018

TT	Chỉ tiêu	Số kiến nghị kiểm toán (đồng)	Số thực hiện của đơn vị (đồng)	Số chưa thực hiện (đồng)	Tỷ lệ thực hiện (%)
	Năm 2009	19.095.148.056	468.943.633	18.626.204.423	2%
I	Các khoản tăng thu ngân sách	573.312.204		573.312.204	0%
1	Thuế GTGT	573.312.204		573.312.204	0%
II	Giảm chi thường xuyên	142.849.689		142.849.689	0%
1	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	142.849.689		142.849.689	0%
III	Các khoản phải nộp, hoàn trả và quản lý qua NSNN	18.111.089.463	468.943.633	17.642.145.830	3%
1	Thu hồi các khoản cho vay, tạm ứng sai quy định	6.413.000.000		6.413.000.000	0%
2	Xử lý nộp NSNN các khoản tạm thu, tạm giữ đã quá hạn	3.760.695.048	24.053.633	3.736.641.415	1%
3	Các khoản ghi thu ghi chi qua NSNN	7.937.394.415	444.890.000	7.492.504.415	6%
IV	Kiến nghị xử lý khác	267.896.700		267.896.700	0%
1	Điều chỉnh quyết toán của các đơn vị dự toán	267.896.700		267.896.700	0%

1. Tổng số kiến nghị đã thực hiện (Các khoản phải nộp, hoàn trả và quản lý qua NSNN) là: 468.943.633 đồng.

2. Tổng số kiến nghị chưa thực hiện là: 18.626.204.423 đồng, bao gồm:

a) Các khoản tăng thu ngân sách: 573.312.204 đồng (thuế GTGT)

b) Giảm chi thường xuyên là: 142.849.689 đồng (giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau)

c) Các khoản phải nộp, hoàn trả và quản lý qua NSNN: 17.642.145.830 đồng (Thu hồi các khoản cho vay, tạm ứng sai quy định: 6.413.000.000 đồng, xử lý nộp NSNN các khoản tạm thu, tạm giữ đã quá hạn: 3.736.641.415 đồng, các khoản ghi thu ghi chi qua NSNN: 7.492.504.415 đồng).

d) Kiến nghị xử lý khác (Điều chỉnh quyết toán của các đơn vị dự toán): 267.896.700 đồng

Nguyên nhân: Do đơn vị chưa chấp hành nghiêm các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.

C. Hệ thống mẫu biểu chi tiết thực hiện kiến nghị Kiểm toán nhà nước năm 2015 và các năm trở về trước

1. Tình hình thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2009 (chi tiết theo phụ biểu số 01,03/THKN-NĐNS-2009 và 02 phụ biểu số 05/KNKT-NĐNS-2009).

2. Tình hình thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2011(chi tiết theo phụ biểu số 01,04/THKN-NĐNS-2011 và 02 phụ biểu số 05/KNKT-NĐNS-2011).

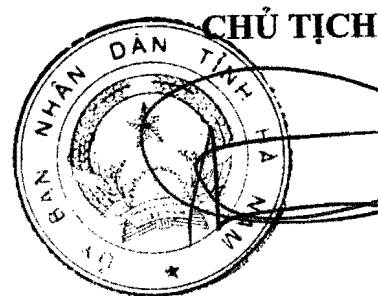
3. Tình hình thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2013 (chi tiết theo phụ biểu số 01,03,04/THKN-NĐNS-2013 và phụ biểu số 05/KNKT-NĐNS-2013).

4. Tình hình thực hiện kiến nghị của Kiểm toán chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2014 (chi tiết theo phụ biểu số 04/KNKT-NĐNS-2014).

5. Tình hình thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2015(chi tiết theo phụ biểu số 02,03/THKN-NĐNS-2015 và phụ biểu số 05/THKT-NĐNS-2015)./

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: LĐVP, TH (H);
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, KT.



Nguyễn Xuân Đông



TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN NĂM 2009 ĐẾN



TT	Chỉ tiêu	Số kiến nghị kiểm toán (đồng)	Số thực hiện của đơn vị (đồng)	Số chưa thực hiện (đồng)	Tỷ lệ thực hiện (%)
	Năm 2009	19.095.148.056	468.943.633	18.626.204.423	2%
I	Các khoản tăng thu ngân sách	573.312.204		573.312.204	0%
1	Thuế GTGT	573.312.204		573.312.204	0%
II	Giảm chi thường xuyên	142.849.689		142.849.689	0%
1	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	142.849.689		142.849.689	0%
III	Các khoản phải nộp, hoàn trả và quản lý qua NSNN	18.111.089.463	468.943.633	17.642.145.830	3%
1	Thu hồi các khoản cho vay, tạm ứng sai quy định	6.413.000.000		6.413.000.000	0%
2	Xử lý nợ NSNN các khoản tạm thu, tạm giữ đã quá hạn	3.760.695.048	24.053.633	3.736.641.415	1%
3	Các khoản ghi thu ghi chi qua NSNN	7.937.394.415	444.890.000	7.492.504.415	6%
IV	Kiến nghị xử lý khác	267.896.700		267.896.700	0%
1	Điều chỉnh quyết toán của các đơn vị dự toán	267.896.700		267.896.700	0%

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC KHU VỰC I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN TĂNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2009 (THỰC HIỆN ĐẾN 10/3/2018)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Đơn vị được kiểm toán	Mã số thuế	Tổng số	Tổng cộng các khoản thuế	Chi tiết các khoản thuế									Phí, lệ phí	Thu khác	Giảm phải thu NSNN về thuế	Giảm thuế GTGT được khấu trừ	Nộp trả quỹ hoàn thuế GTGT
					GTGT	TNDN	XNK	TTĐB	Nhà đất	TNCN	Tài nguyên	BVMT	Thu tiền sử dụng đất					
1	2	3	4=5+6+7+8+9	5=5.1+...+5.9	5.1	5.2	5.3	5.4	5.5	5.6	5.7	5.8	5.9	6	7	8	9	10
	Số KTNN kiến nghị (1)		573.312.204	573.312.204	573.312.204													
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)		0	0	0													
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)		0	0	0													
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)		573.312.204	573.312.204	573.312.204													
	Số thực hiện của đơn vị (5)		0	0	0													
	Số chưa thực hiện (6=4-5)		573.312.204	573.312.204	573.312.204													
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%		0%	0%	0%													
1	Huyện Lý Nhân																	
	Số KTNN kiến nghị (1)		287.067.567	287.067.567	287.067.567													
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)		-	-	-													
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)		-	-	-													
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)		287.067.567	287.067.567	287.067.567													
	Số thực hiện của đơn vị (5)		-	-	-													
	Số chưa thực hiện (6=4-5)		287.067.567	287.067.567	287.067.567													
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%		0,0%	0,0%	0,0%													
2	Huyện Thanh Liêm																	
	Số KTNN kiến nghị (1)		286.244.637	286.244.637	286.244.637													
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)		-	-	-													
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)		-	-	-													
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)		286.244.637	286.244.637	286.244.637													
	Số thực hiện của đơn vị (5)		-	-	-													
	Số chưa thực hiện (6=4-5)		286.244.637	286.244.637	286.244.637													
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%		0,0%	0,0%	0,0%													

chưa thực hiện thêm gì

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC KHU VỰC I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN GIÁM CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2009 (THỰC HIỆN ĐẾN 10/3/2018)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nợ NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	...	Kiến nghị xử lý tài chính khác
1	2	3=4+...+10	4	5	6,0	7	8	9	10
	Huyện Bình Lục								
	Số KTNN kiến nghị (1)	142.849.689				142.849.689			
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0							
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0				0			
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	142.849.689				142.849.689			
	Số thực hiện của đơn vị (5)	0				0			
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	142.849.689				142.849.689			
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	0%				0%			

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC KHU VỰC IKẾT QUẢ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN XỬ LÝ NỢ ĐONG, VAY TẠM ỨNG VÀ GHI THU -
GHI CHI NĂM 2009 CỦA TỈNH HÀ NAM (THỰC HIỆN ĐẾN 10/3/2018)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Các khoản phải nộp, hoàn trả và quản lý qua NSNN					Ghi chú
			Cộng	Thu hồi các khoản cho vay, tạm ứng sai quy định	Xử lý nộp NSNN các khoản tạm thu, tạm giữ đã quá hạn	Các khoản ghi thu - ghi chi qua NSNN	Các khoản khác	
1	2	3=4+9	9=10+...+13	10	11	12	13	
	Số KTNN kiến nghị (1)	18.111.089.463	18.111.089.463	6.413.000.000	3.760.695.048	7.937.394.415	0	
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0	0	0	0	0	0	
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0	0	0	0	0	0	
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	18.111.089.463	18.111.089.463	6.413.000.000	3.760.695.048	7.937.394.415	0	
	Số thực hiện của đơn vị (5)	468.943.633	468.943.633	0	24.053.633	444.890.000	0	
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	17.642.145.830	17.642.145.830	6.413.000.000	3.736.641.415	7.492.504.415	0	
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	3%	3%	0%	1%	5,6%	0%	
1	Kho Bạc Nhà nước Tỉnh							
	Số KTNN kiến nghị (1)	10.708.868.483	10.708.868.483	0	2.772.464.068	7.936.404.415	0	
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0	0	0	0	0	0	
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0	0	0	0	0	0	
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	10.708.868.483	10.708.868.483	0	2.772.464.068	7.936.404.415	0	
	Số thực hiện của đơn vị (5)	468.943.633	468.943.633	0	24.053.633	444.890.000	0	
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	10.239.924.850	10.239.924.850	0	2.748.410.435	7.491.514.415	0	
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	4%	4%	0%	1%	6%	0%	
1.1	Huyện Bình Lục							
	Số KTNN kiến nghị (1)	444.890.000	444.890.000	0	0	444.890.000	0	
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0	0	0	0	0	0	
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0	0	0	0	0	0	
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	444.890.000	444.890.000	0	0	444.890.000	0	Lệnh ghi thu ghi chi ngày 23/01/2018
	Số thực hiện của đơn vị (5)	444.890.000	444.890.000	0	0	444.890.000	0	
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	0	0	0	0	0	0	
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%	100%	0%	0%	100%	0%	
*	Xã Vũ Bản							
	Số KTNN kiến nghị (1)	444.890.000	444.890.000	0	0	444.890.000	0	
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0	0	0	0	0	0	
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0	0	0	0	0	0	
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	444.890.000	444.890.000	0	0	444.890.000	0	
	Số thực hiện của đơn vị (5)	0	0	0	0	0	0	
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	444.890.000	444.890.000	0	0	444.890.000	0	
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	
1.2	Huyện Duy Tiên							
	Số KTNN kiến nghị (1)	10.263.978.483	10.263.978.483	0	2.772.464.068	7.491.514.415	0	
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0	0	0	0	0	0	
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0	0	0	0	0	0	
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	10.263.978.483	10.263.978.483	0	2.772.464.068	7.491.514.415	0	giấy nộp tiền vào NSNN số 0016196 ngày 28/10/2010
	Số thực hiện của đơn vị (5)	24.053.633	24.053.633	0	24.053.633	24.053.633	0	
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	10.239.924.850	10.239.924.850	0	2.748.410.435	7.491.514.415	0	
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	0%	0%	0%	1%	0%	0%	
*	Xã Duy Minh							
	Số KTNN kiến nghị (1)	668.633	668.633	0	668.633	668.633	0	
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0	0	0	0	0	0	
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0	0	0	0	0	0	
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	668.633	668.633	0	668.633	668.633	0	Số tiền đã nộp nằm trong số tiền 270.098.000 đồng trong giấy nộp tiền vào NSNN số 01 ngày 25/12/2009
	Số thực hiện của đơn vị (5)	668.633	668.633	0	668.633	668.633	0	
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	0	0	0	0	0	0	
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%	100%	0%	100%	100%	0%	
2	Huyện Thanh Liêm							
	Số KTNN kiến nghị (1)	969.220.980	969.220.980	0	968.230.980	990.000	0	
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0	0	0	0	0	0	
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0	0	0	0	0	0	
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	969.220.980	969.220.980	0	968.230.980	990.000	0	
	Số thực hiện của đơn vị (5)	0	0	0	0	0	0	
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	969.220.980	969.220.980	0	968.230.980	990.000	0	
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	
3	Huyện Lý Nhân							
	Số KTNN kiến nghị (1)	20.000.000	20.000.000	0	20.000.000	20.000.000	0	
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0	0	0	0	0	0	
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0	0	0	0	0	0	

TT	Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Các khoản phải nộp, hoàn trả và quản lý qua NSNN					Ghi chú
			Cộng	Thu hồi các khoản cho vay, tạm ứng sai quy định	Xử lý nộp NSNN các khoản tạm thu, tạm giữ đã quá hạn	Các khoản ghi thu - ghi chi qua NSNN	Các khoản khác	
1	2	3=4+9	9=10+...+13	10	11	12	13	
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	20.000.000	20.000.000		20.000.000			
	Số thực hiện của đơn vị (5)	0	0					
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	20.000.000	20.000.000		20.000.000			
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	0%	0%		0%			
4	Thành phố Phù Lý (Chưa ghi theo KNKT)							Do dự án tăng kỹ thuật khu thương mại dịch vụ bờ Đông sông Đáy vẫn đang tiếp tục triển khai xây dựng giai đoạn II nên UBND thành phố Phù Lý đã đề nghị được giữ lại nguồn kinh phí trên tại ngân sách thành phố Phù Lý để chủ động thanh toán cho chủ đầu tư
	Số KTNN kiến nghị (1)	6.413.000.000	6.413.000.000	6.413.000.000				
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0	0	0	0			
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0	0	0	0			
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	6.413.000.000	6.413.000.000	6.413.000.000	0			
	Số thực hiện của đơn vị (5)	0	0	0	0			
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	6.413.000.000	6.413.000.000	6.413.000.000	0			
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	0%	0%	0%	0%			

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC KHU VỰC I

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN XỬ LÝ NỢP VÀ GIẢM CHI KHÁC KHÔNG THUỘC
NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2009 CỦA TỈNH HÀ NAM (THỰC HIỆN ĐẾN 10/3/2018)**

Đơn vị tính: Đồng

TT	Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Các khoản nợ khác	Kiến nghị xử lý khác		
				Cộng	Điều chỉnh quyết toán của các đơn vị dự toán	Các sai sót, sai phạm khác
1	2	3=4+9+13	8	13=14+15	14	15
	Số kiến nghị kiểm toán	267.896.700	0	267.896.700	267.896.700	0
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm	0	0	0	0	0
	Số kiến nghị đủ bằng chứng để đơn vị kiểm toán thực hiện	267.896.700	0	267.896.700	267.896.700	0
	Số thực hiện của đơn vị	0	0	0	0	0
	Số chưa thực hiện	267.896.700	0	267.896.700	267.896.700	0
	Tỷ lệ thực hiện	0%		0%	0%	
1	Huyện Lý Nhân					
	Số kiến nghị kiểm toán (1)	267.896.700	0	267.896.700	267.896.700	
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0		0		
	Số kiến nghị đủ bằng chứng để đơn vị kiểm toán thực hiện (3)=(1)-(2)	267.896.700	0	267.896.700	267.896.700	
	Số thực hiện của đơn vị (4)	0	0	0		
	Số chưa thực hiện (5)=(3)-(4)	267.896.700	0	267.896.700	267.896.700	
	Tỷ lệ thực hiện (6)=(4)/(3)	0%	0%	0%	0%	
2	Huyện Thanh Liêm					
	Số kiến nghị kiểm toán (1)	0		0		0
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0		0		0
	Số kiến nghị đủ bằng chứng để đơn vị kiểm toán thực hiện (3)=(1)-(2)	0		0		0
	Số thực hiện của đơn vị (4)	0		0		0
	Số chưa thực hiện (5)=(3)-(4)	0		0		0
	Tỷ lệ thực hiện (6)=(4)/(3)					
3	Huyện Kim Bảng					
	Số kiến nghị kiểm toán (1)	0		0		0
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0		0		0
	Số kiến nghị đủ bằng chứng để đơn vị kiểm toán thực hiện (3)=(1)-(2)	0		0		0
	Số thực hiện của đơn vị (4)	0		0		0
	Số chưa thực hiện (5)=(3)-(4)	0		0		0
	Tỷ lệ thực hiện (6)=(4)/(3)					
4	Quỹ dự trữ tài chính					
	Số kiến nghị kiểm toán (1)	0				0
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0				

TT	Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Các khoản nộp khác	Kiến nghị xử lý khác		
				Cộng	Điều chỉnh quyết toán của các đơn vị dự toán	Các sai sót, sai phạm khác
1	2	3=4+9+13	8	13=14+15	14	15
	Số kiến nghị đủ bằng chứng để đơn vị kiểm toán thực hiện (3)=(1)-(2)	0				0
	Số thực hiện của đơn vị (4)	0				0
	Số chưa thực hiện (5)=(3)-(4)	0				0
	Tỷ lệ thực hiện (6)=(4)/(3)					
5	Huyện Duy Tiên					
	Số kiến nghị kiểm toán (1)	0		0		0
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0		0		
	Số kiến nghị đủ bằng chứng để đơn vị kiểm toán thực hiện (3)=(1)-(2)	0		0		0
	Số thực hiện của đơn vị (4)	0		0		0
	Số chưa thực hiện (5)=(3)-(4)	0		0		0
	Tỷ lệ thực hiện (6)=(4)/(3)					

Ghi chú:

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN NĂM 2011 ĐẾN
10/3/2018**

TT	Chỉ tiêu	Số kiến nghị kiểm toán (đồng)	Số thực hiện của đơn vị (đồng)	Số chưa thực hiện (đồng)	Tỷ lệ thực hiện (%)
	Năm 2011	14.475.465.531	162.900.000	14.312.565.531	1%
I	Các khoản tăng thu ngân sách	2.355.500.062	40.000.000	2.315.500.062	2%
1	Thuế GTGT	683.356.062		683.356.062	0%
2	Thu tiền sử dụng đất	1.632.144.000		1.632.144.000	0%
3	Phí, lệ phí	40.000.000	40.000.000	0	100%
II	Giảm chi đầu tư xây dựng	734.706.000	0	734.706.000	0%
1	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	161.595.000		161.595.000	0%
2	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	573.111.000		573.111.000	0%
III	Các khoản phải nộp, hoàn trả và quản lý qua NSNN	11.183.744.469	0	11.183.744.469	0%
1	Các khoản khác	11.183.744.469		11.183.744.469	0%
IV	Kiến nghị xử lý khác	201.515.000	122.900.000	78.615.000	61%
1	Các khoản phải nộp khác (các quỹ ngoài ngân sách)	201.515.000	122.900.000	78.615.000	61%

TT	Đơn vị được kiểm toán	Mã số thuế	Tổng số	Tổng cộng các khoản thuế	Chi tiết các khoản thuế									Phí, lệ phí	Thu khác	Giảm phải thu NSNN về thuế	Giảm thuế GTGT được khấu trừ	Nộp trả quỹ hoàn thuế GTGT
					GTGT	TNDN	XNK	TTDB	Nhà đất	TNCN	Tài nguyên	BVMT	Thu tiền sử dụng đất					
	Số KTNN kiến nghị (1)		40.000.000	-									40.000.000					
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)		-	-														
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)		-	-									0					
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)		40.000.000	-									40.000.000					
	Số thực hiện của đơn vị (5)		40.000.000	-									40.000.000					
	Số chưa thực hiện (6=4-5)		-	-									0					
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%		100%	0%									100%					

Ghi chú: Theo Văn bản số 1772/UBND-KTTH ngày 28/8/2015 của UBND tỉnh Hà Nam về việc thực hiện kiến nghị kiểm toán năm 2013 và các năm trước và Công văn số 10481/BTC-NSNN ngày 30/7/2015 của Bộ Tài chính kèm theo các phụ lục 01/KNKT (trang 8), thì đối với khoản phí này (40.000.000đ) Sở Tài nguyên và Môi trường đã giải trình với đoàn kiểm tra việc thực hiện kết luận kiểm toán năm 2013 và các năm trước, khoản này đã được ghi (trang 8, phụ lục 01) là đã được kiến nghị điều chỉnh giảm. Năm 2017, Kiểm toán Nhà nước khu vực I kiểm toán ngân sách năm 2016 tại Sở Tài nguyên và Môi trường cũng đã có biên bản đề nghị đơn vị Văn phòng Sở điều chỉnh bút toán ghi giảm số tiền này.

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC KHU VỰC I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN XỬ LÝ NỢ ĐONG, VAY TẠM ỨNG VÀ GHI THU - GHI CHI NĂM 2011
CỦA TỈNH HÀ NAM (THỰC HIỆN ĐẾN 10/3/2018)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Các khoản phải nộp, hoàn trả và quản lý qua NSNN				
			Cộng	Thu hồi các khoản cho vay, tạm ứng sai quy định	Xử lý nộp NSNN các khoản tạm thu, tạm giữ đã quá hạn	Các khoản ghi thu - ghi chi qua NSNN	Các khoản khác
1	2	3=4+9	9=10+...+13	10	11	12	13
	Số KTNN kiến nghị (1)	11.183.744.469	11.183.744.469				11.183.744.469
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0	0				0
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0	0				0
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	11.183.744.469	11.183.744.469				11.183.744.469
	Số thực hiện của đơn vị (5)	0	0				0
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	11.183.744.469	11.183.744.469				11.183.744.469
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	0%	0%				0%
1	Bệnh viện đa khoa tỉnh						
	Số KTNN kiến nghị (1)	38.906.469	38.906.469				38.906.469
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0	0				0
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0	0				0
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	38.906.469	38.906.469				38.906.469
	Số thực hiện của đơn vị (5)	0	0				0
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	38.906.469	38.906.469				38.906.469
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	0%	0%				0%
2	Thành phố Phủ Lý						
	Số KTNN kiến nghị (1)	3.028.638.000	3.028.638.000				3.028.638.000
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0	0				0
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0	0				0
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	3.028.638.000	3.028.638.000				3.028.638.000
	Số thực hiện của đơn vị (5)	0	0				0
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	3.028.638.000	3.028.638.000				3.028.638.000
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	0%	0%				0%
3	KT tổng hợp tại Sở Tài chính						
	Số KTNN kiến nghị (1)	8.116.200.000	8.116.200.000				8.116.200.000
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0	0				0
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0	0				0
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	8.116.200.000	8.116.200.000				8.116.200.000
	Số thực hiện của đơn vị (5)	0	0				0
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	8.116.200.000	8.116.200.000				8.116.200.000
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	0%	0%				0%

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC KHU VỰC I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN XỬ LÝ NỢ VÀ GIẢM CHI KHÁC KHÔNG THUỘC NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2011 CỦA TỈNH HÀ NAM
(THỰC HIỆN ĐẾN 10/3/2018)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Các khoản nợ khác					Các khoản giảm chi khác				Kiến nghị xử lý khác			Ghi chú
			Cộng	Các quỹ ngoài ngân sách	Bổ sung kinh phí hoạt động	Nợ trả cấp trên	Khác	Cộng	Thu hồi hoàn trả cấp trên do xuất toán các khoản chi sai chế độ	Giảm thanh toán của cấp trên do xuất toán các khoản chi sai chế độ	Khác	Cộng	Điều chỉnh quyết toán của các đơn vị dự toán	Các sai phạm khác	
1	2	3=4+9+13	4=5+...+8	5	6	7	8	9=10+11+12	10	11	12	13=14+15	14	15	
	Số KTNN kiến nghị (1)	201.515.000	201.515.000	201.515.000											
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-	0	0											
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-	0	0											
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	201.515.000	201.515.000	201.515.000											
	Số thực hiện của đơn vị (5)	122.900.000	122.900.000	122.900.000											
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	78.615.000	78.615.000	78.615.000											
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	61%	60,99%	60,99%											
1	Sở Tài nguyên & Môi trường	-													
	Số KTNN kiến nghị (1)	201.515.000	201.515.000	201.515.000											
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-	-	0											
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-	-	0											
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	201.515.000	201.515.000	201.515.000											
	Số thực hiện của đơn vị (5)	122.900.000	122.900.000	122.900.000											
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	78.615.000	78.615.000	78.615.000											
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	61%	61%	61%											

Theo báo cáo của Sở Tài chính tại công văn 195/STN&MT-KHTC của Sở Tài nguyên Môi trường



**TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN NĂM 2013 ĐẾN
10/3/2018**

TT	Chỉ tiêu	Số kiến nghị kiểm toán (đồng)	Số thực hiện của đơn vị (đồng)	Số chưa thực hiện (đồng)	Tỷ lệ thực hiện (%)
	Năm 2013	13.816.726.810	709.057.736	13.107.669.074	5%
I	Các khoản tăng thu ngân sách	1.135.279.216	0	1.135.279.216	0%
1	Thuế GTGT	695.140.948		695.140.948	0%
2	Thuế TNDN	440.138.268		440.138.268	0%
II	Giảm chi thường xuyên	46.856.228	37.453.448	9.402.780	80%
1	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	9.402.780		9.402.780	0%
2	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	37.453.448	37.453.448	0	100%
III	Giảm chi đầu tư xây dựng	1.877.808.567	0	1.877.808.567	0%
1	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	154.457.351		154.457.351	0%
2	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	769.645.953		769.645.953	0%
3	Giảm giá trị trúng thầu	953.705.263		953.705.263	0%
III	Các khoản phải nộp, hoàn trả và quản lý qua NSNN	10.803.639.027	709.057.736	10.094.581.291	7%
1	Các khoản khác	10.803.639.027	709.057.736	10.094.581.291	7%

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC KHU VỰC I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN GIÁM CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2013
(THỰC HIỆN ĐẾN 10/3/2018)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác	Ghi chú
1	2	3=4+...+10	4	5	6,0	7	8	10	
	Số KTNN kiến nghị (1)	46.856.228	9.402.780	0	0	37.453.448			
	Số kiến nghị điều chỉnh giám (2)	0	0			0			
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0	0			0			
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	46.856.228	9.402.780			37.453.448			
	Số thực hiện của đơn vị (5)	37.453.448	0			37.453.448			
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	9.402.780	9.402.780			0			
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	80%				100%			
I	Các sở, ban ngành								
1	Sở Y tế								
	Số KTNN kiến nghị (1)	0				0			
	Số kiến nghị điều chỉnh giám (2)	0				0			
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0				0			
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	0				0			
	Số thực hiện của đơn vị (5)	0				0			
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	0				0			
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%								
II	Các huyện, thành phố								
1	Huyện Lý Nhân								
	Số KTNN kiến nghị (1)	37.453.448				37.453.448			
	Số kiến nghị điều chỉnh giám (2)	0				0			
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0				0			
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	37.453.448				37.453.448			
	Số thực hiện của đơn vị (5)	37.453.448				37.453.448			
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	0				0			
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%				100%			
2	Huyện Thanh Liêm								
	Số KTNN kiến nghị (1)	9.402.780	9.402.780			-			
	Số kiến nghị điều chỉnh giám (2)	0	0			0			
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0	0			0			
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	9.402.780	9.402.780			0			
	Số thực hiện của đơn vị (5)	0	0			0			
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	9.402.780	9.402.780			0			
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	0%	0%						
3	Huyện Kim Bảng								
	Số KTNN kiến nghị (1)	0				-			
	Số kiến nghị điều chỉnh giám (2)	0				0			
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0				0			
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	0				0			
	Số thực hiện của đơn vị (5)	0				0			
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	0				0			
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%								

UBND xã Hợp Lý đã thực hiện giảm trừ khi lập báo cáo quyết toán vốn

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC KHU VỰC I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN GIÁM CHI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM 2013 (THỰC HIỆN ĐẾN 10/3/2018)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Các khoản giảm chi NSNN khác	Giảm giá trị trúng thầu
1	2	3=4+9	4=5+...+8	5	6	7	8	9=10+...+13	10
	Số KTNN kiến nghị (1)	1.877.808.567	154.457.351			769.645.953			953.705.263
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0	0			0			0
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0	0			0			0
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	1.877.808.567	154.457.351			769.645.953			953.705.263
	Số thực hiện của đơn vị (5)	0	0			0			0
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	1.877.808.567	154.457.351			769.645.953			953.705.263
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	0%	0%			0%			0%
*	Các dự án NS cấp tỉnh								
1	Ban QLXD đường giao thông huyện Bình Lục								
	Số KTNN kiến nghị (1)	0				0			
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0				0			
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0				0			
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	0				0			
	Số thực hiện của đơn vị (5)	0				0			
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	0				0			
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%								
2	Ban QLDA ĐTXD khẩn cấp công trình cấp nước sạch tập trung thay thế nguồn nước ngầm ô nhiễm Asenic, nhiễm mặn tại 4 xã khu B								
	Số KTNN kiến nghị (1)	0				0			
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0				0			
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0				0			
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	0				0			
	Số thực hiện của đơn vị (5)	0				0			
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	0				0			
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%								
3	Ban QLDA Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nam								
	Số KTNN kiến nghị (1)	0				0			
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0				0			
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0				0			
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	0				0			

TT	Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Các khoản giảm chi NSNN khác	Giảm giá trị trúng thầu
	Số thực hiện của đơn vị (5)	0				0			
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	0				0			
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%								
4	Ban QLDA Đầu tư Phát triển giao thông tỉnh Hà Nam								
	Số KTNN kiến nghị (1)	953.705.263							953.705.263
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0							0
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0							0
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	953.705.263							953.705.263
	Số thực hiện của đơn vị (5)	0							0
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	953.705.263							953.705.263
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	0%							0%
5	BQLDA ĐTXD thuộc Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam								
	Số KTNN kiến nghị (1)	390.133.000				390.133.000			
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0				0			0
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0				0			0
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	390.133.000				390.133.000			0
	Số thực hiện của đơn vị (5)	0							
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	390.133.000				390.133.000			0
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	0%				0%			
*	Nguồn CTMTQG VL&DN								
1	Trường Cao đẳng nghề Hà Nam (đã loại trừ việc thực hiện theo kết luận của Thanh tra tỉnh)								
	Số KTNN kiến nghị (1)	0				0			
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0				0			
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0				0			
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	0				0			
	Số thực hiện của đơn vị (5)	0				0			
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	0				0			
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%								
2	Huyện Lý Nhân								
	Số KTNN kiến nghị (1)	533.970.304	154.457.351			379.512.953			
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0	0			0			
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0	0			0			
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	533.970.304	154.457.351			379.512.953			
	Số thực hiện của đơn vị (5)	0				0			
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	533.970.304	154.457.351			379.512.953			
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	0%	0%			0%			

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC KHU VỰC I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN XỬ LÝ NỢ ĐONG, VAY TẠM ỨNG VÀ GHI THU - GHI CHI NIÊN
ĐỘ NGÂN SÁCH 2013 CỦA TỈNH HÀ NAM (THỰC HIỆN ĐẾN 10/3/2018)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Các khoản phải nộp, hoàn trả và quản lý qua NSNN					Ghi chú
			Cộng	Thu hồi các khoản cho vay, tạm ứng sai quy định	Xử lý nợ NSNN các khoản tạm thu, tạm giữ đã quá hạn	Các khoản ghi thu - ghi chi qua NSNN	Các khoản khác	
1	2	3=4+9	9=10+...+13	10	11	12	13	
	Số KTNN kiến nghị (1)	10.803.639.027	10.803.639.027	0	0	0	10.803.639.027	
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0	0				0	
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0	0				0	
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	10.803.639.027	10.803.639.027	0	0	0	10.803.639.027	
	Số thực hiện của đơn vị (5)	709.057.736	709.057.736	0	0	0	709.057.736	
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	10.094.581.291	10.094.581.291	0	0	0	10.094.581.291	
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	6,6%	6,6%				6,6%	
I	Kiểm toán tổng hợp							
1	Ngân sách tỉnh							
	Số KTNN kiến nghị (1)	8.880.000.000	8.880.000.000				8.880.000.000	
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0	0				0	
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0	0				0	
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	8.880.000.000	8.880.000.000				8.880.000.000	
	Số thực hiện của đơn vị (5)	0	0				0	
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	8.880.000.000	8.880.000.000				8.880.000.000	
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	0%	0%				0%	
II	Các Sở ban ngành							
1	Sở Nông nghiệp và PTNT							
	Số KTNN kiến nghị (1)	8.655.000	8.655.000				8.655.000	
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0	0				0	
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0	0				0	
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	8.655.000	8.655.000				8.655.000	
	Số thực hiện của đơn vị (5)	8.655.000	8.655.000				8.655.000	
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	0	0				0	
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%	100%				100%	
II	Các Huyện, Thành phố							
1	Huyện Lý Nhân							
	Số KTNN kiến nghị (1)	67.401.700	67.401.700				67.401.700	
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0	0				0	
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0	0				0	
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	67.401.700	67.401.700				67.401.700	
	Số thực hiện của đơn vị (5)	6.334.000	6.334.000				6.334.000	
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	61.067.700	61.067.700				61.067.700	
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	9%	9%				9%	
2	Huyện Thanh Liêm							
	Số KTNN kiến nghị (1)	810.674.736	810.674.736				810.674.736	
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0	0				0	
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0	0				0	
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	810.674.736	810.674.736				810.674.736	
	Số thực hiện của đơn vị (5)	694.068.736	694.068.736				694.068.736	
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	116.606.000	116.606.000				116.606.000	
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	86%	86%				86%	
IV	Các Ban quản lý dự án							
1	Ban QLDA ĐTXD khẩn cấp CT cấp nước sạch tập trung thay thế nguồn nước ngầm ô nhiễm Aseptic, nhiễm							

Giấy nộp trả
kinh phí số 01
ngày 01/8/2017lệnh ghi thu ghi
chi ngày
17/1/2017

TT	Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Các khoản phải nộp, hoàn trả và quản lý qua NSNN					Ghi chú
			Cộng	Thu hồi các khoản cho vay, tạm ứng sai quy định	Xử lý nộp NSNN các khoản tạm thu, tạm giữ đã quá hạn	Các khoản ghi thu - ghi chi qua NSNN	Các khoản khác	
1	2	3=4+9	9=10+...+13	10	11	12	13	
	Số KTNN kiến nghị (1)	489.071.536	489.071.536				489.071.536	
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0	0				0	
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0	0				0	
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	489.071.536	489.071.536				489.071.536	
	Số thực hiện của đơn vị (5)	0	0				0	
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	489.071.536	489.071.536				489.071.536	
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	0%	0%				0%	
2	Huyện Lý Nhân							
	Số KTNN kiến nghị (1)	326.857.472	326.857.472				326.857.472	
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0	0				0	
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0	0				0	
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	326.857.472	326.857.472				326.857.472	
	Số thực hiện của đơn vị (5)	0	0				0	
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	326.857.472	326.857.472				326.857.472	
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	0%	0%				0%	
3	Huyện Kim Bảng							
	Số KTNN kiến nghị (1)	220.978.583	220.978.583				220.978.583	
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0	0				0	
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0	0				0	
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	220.978.583	220.978.583				220.978.583	
	Số thực hiện của đơn vị (5)	0	0				0	
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	220.978.583	220.978.583				220.978.583	
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	0%	0%				0%	

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN NÔNG THÔN MỚI
NĂM 2014 ĐẾN 10/3/2018**

TT	Chỉ tiêu	Số kiến nghị kiểm toán (đồng)	Số thực hiện của đơn vị (đồng)	Số chưa thực hiện (đồng)	Tỷ lệ thực hiện (%)
	Năm 2014	2.499.572.382	1.088.748.995	1.410.823.387	44%
I	Giảm chi đầu tư xây dựng	2.499.572.382	1.088.748.995	1.410.823.387	44%
1	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai chế độ	98.581.326	66.241.000	32.340.326	67%
2	Giảm cấp phát, thanh toán các khoản quyết toán sai chế độ	2.372.357.264	1.022.507.995	1.349.849.269	43%
3	Các khoản giảm chi NSNN khác	28.633.792		28.633.792	0%

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC KHU VỰC I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN GIÁM CHI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM 2014 (THỰC HIỆN ĐẾN 10/3/2018)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chỉ sai chế độ	Giảm cấp phát, thanh toán các khoản quyết toán sai chế độ	Giảm quyết toán NSNN các khoản quyết toán không đủ thủ tục	Giảm quyết toán NSNN các khoản quyết toán không đúng nguồn	Giảm quyết toán NSNN các khoản quyết toán không đúng đối tượng	Các khoản giảm chi NSNN khác	Giảm giá trị trúng thầu
1	2	3=4+...+10	4	5	6	7	8	9	10
	Tổng cộng (1+2+...)								
	Số KTNN kiến nghị (1)	2.499.572.382	98.581.326	2.372.357.264	-	-	-	28.633.792	-
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)								
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)								
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	2.499.572.382	98.581.326	2.372.357.264	-	-	-	28.633.792	-
	Số thực hiện của đơn vị (5)	1.088.748.995	66.241.000	1.022.507.995				-	-
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	1.410.823.387	32.340.326	1.349.849.269				28.633.792	-
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	44%	67%	43%					
1	Huyện Thanh Liêm								
	Số KTNN kiến nghị (1)	176.937.264	-	176.937.264					
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)								
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)								
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	176.937.264	-	176.937.264	-	-	-	-	-
	Số thực hiện của đơn vị (5)	112.048.424	-	112.048.424					
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	64.888.840	-	64.888.840	-	-	-		
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	63%		63%					
2	TP Phủ Lý								
	Số KTNN kiến nghị (1)	1.003.707.130		1.003.707.130					
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-							
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-							
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	1.003.707.130	-	1.003.707.130	-	-	-		
	Số thực hiện của đơn vị (5)	691.348.284	-	691.348.284					
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	312.358.846	-	312.358.846	-	-	-		
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	69%		69%					
3	Huyện Kim Bảng								
	Số KTNN kiến nghị (1)	745.843.262		717.209.470				28.633.792	
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-							
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-							
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	745.843.262		717.209.470	-	-	-	28.633.792	
	Số thực hiện của đơn vị (5)	38.926.223		38.926.223					
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	706.917.039		678.283.247	-	-	-	28.633.792	
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	5%		5%				0%	
4	Huyện Lý Nhân								
	Số KTNN kiến nghị (1)	129.124.555	0	129.124.555					
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-							
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-							

TT	Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nợ NSNN các khoản chi sai chế độ	Giảm cấp phát, thanh toán các khoản quyết toán sai chế độ	Giảm quyết toán NSNN các khoản quyết toán không đủ thủ tục	Giảm quyết toán NSNN các khoản quyết toán không đúng nguồn	Giảm quyết toán NSNN các khoản quyết toán không đúng đối tượng	Các khoản giảm chi NSNN khác	Giảm giá trị trúng thầu
1	2	3=4+...+10	4	5	6	7	8	9	10
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	129.124.555	-	129.124.555	-	-	-		
	Số thực hiện của đơn vị (5)	39.480.665	0	39.480.665					
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	89.643.890	-	89.643.890	-	-	-	-	-
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	31%		31%					
5	Huyện Duy Tiên								
	Số KTNN kiến nghị (1)	140.704.399		140.704.399					
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-							
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-							
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	140.704.399		140.704.399					
	Số thực hiện của đơn vị (5)	140.704.399		140.704.399					
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	-		-	-				
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%		100%					
6	Huyện Bình Lục								
	Số KTNN kiến nghị (1)	303.255.772	98.581.326	204.674.446					
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	-							
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	-							
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	303.255.772	98.581.326	204.674.446					
	Số thực hiện của đơn vị (5)	66.241.000	66.241.000						
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	237.014.772	32.340.326	204.674.446					
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	22%	67%	0%					
								

Ghi chú:

- Số KTNN kiến nghị (1)** : Số liệu kiến nghị xử lý tài chính của đơn vị được kiểm toán tại Báo cáo kiểm toán năm... đã được KTNN phát hành và tổ chức công khai;
- Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)** : Các số liệu kiến nghị xử lý tài chính của đơn vị được kiểm toán tại Báo cáo kiểm toán năm... đã được KTNN phát hành nhưng không đủ bằng chứng hoặc không hợp lý, hợp pháp phải hủy bỏ (đã có ý kiến của Lãnh đạo KTNN bằng văn bản) hoặc số liệu phải điều chuyển sang chi tiêu khác do tổng hợp không đúng bản chất;
- Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)** : Các số liệu kiến nghị xử lý tài chính của đơn vị được kiểm toán tại Báo cáo kiểm toán năm... đã được KTNN phát hành nhưng không đúng bản chất được bổ sung điều chỉnh từ chi tiêu khác hoặc không đầy đủ do tổng hợp thiếu từ Báo cáo kiểm toán của tổ kiểm toán (Biên bản xác nhận số liệu và tình hình kiểm toán của KTV);
- Số kiến nghị đủ bằng chứng (4)** : Các số liệu kiến nghị xử lý tài chính của đơn vị được kiểm toán tại Báo cáo kiểm toán năm... đã được KTNN phát hành và tổ chức công khai sau khi loại bỏ phần kiến nghị không đủ bằng chứng (số kiến nghị điều chỉnh giảm) và bổ sung phần kiến nghị thiếu (số kiến nghị điều chỉnh tăng);
- Số thực hiện của đơn vị (5)** : Số tiền trên các chứng từ thực hiện kiến nghị kiểm toán (gồm: Giấy nộp tiền vào NSNN; các Quyết định điều chỉnh quyết toán, dự toán, giảm thanh toán...; các bảng kê khai thuế, tờ khai thuế...) được ghi theo đúng hướng dẫn của KTNN tại các Báo cáo kiểm toán đã được phát hành.

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
NĂM 2015 ĐẾN 10/3/2018**

TT	Chỉ tiêu	Số kiến nghị kiểm toán	Số thực hiện của đơn vị	Số chưa thực hiện	Tỷ lệ thực hiện %
	Năm 2015	255.647.026.927	33.481.155.182	222.165.871.745	13%
I	Giảm chi thường xuyên	4.231.550.700	240.019.300	3.991.531.400	6%
1	Nộp NSNN các khoản phải nộp nhưng chưa nộp	4.231.550.700	240.019.300	3.991.531.400	6%
II	Giảm chi đầu tư xây dựng	17.687.296.059	6.943.763.134	10.743.532.925	39%
1	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	3.263.699.556	964.580.000	2.299.119.556	30%
2	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	6.879.294.116	4.505.964.169	2.373.329.947	66%
3	Nộp NSNN các khoản phải nộp nhưng chưa nộp	148.519.000	0	148.519.000	0%
4	Giảm giá trúng thầu	7.395.783.387	1.473.218.965	5.922.564.422	20%
III	Kiến nghị khác	233.728.180.168	26.297.372.748	207.430.807.420	11%



KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC KHU VỰC I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN GIÁM CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2015 (THỰC HIỆN ĐẾN 10/3/2018)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nợ NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyên quyết toán năm sau	Nợ NSNN các khoản phải nộp nhưng chưa nộp	Kiến nghị xử lý tài chính khác	Ghi chú
1	2	3=4+...+10	4	5	6	7	8	9	10	
	Số KTNN kiến nghị (1)	4.231.550.700			0	0	0	4.231.550.700	0	
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0			0	0	0	0	0	
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0			0	0	0	0	0	
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	4.231.550.700			0	0	0	4.231.550.700	0	
	Số thực hiện của đơn vị (5)	240.019.300			0	0	0	240.019.300	0	
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	3.991.531.400			0	0	0	3.991.531.400	0	
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	6%						6%		
1	Ban quản lý các khu công nghiệp									
	Số KTNN kiến nghị (1)	4.231.550.700						4.231.550.700		Giấy nộp tiền ngày 13/6/2017
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0								
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0								
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	4.231.550.700						4.231.550.700		
	Số thực hiện của đơn vị (5)	240.019.300						240.019.300		
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	3.991.531.400						3.991.531.400		
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	6%						6%		

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC KHU VỰC I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN GIÁM CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2015 (THỰC HIỆN ĐẾN 10/3/2018)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giám dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Nộp NSNN các khoản phải nộp nhưng chưa nộp	Kiến nghị xử lý tài chính khác	Ghi chú
I	2	3=4+...+10	4	5	6	7	8	9	10	
	Số KTNN kiến nghị (1)	4.231.550.700			0	0	0	4.231.550.700	0	
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0			0	0	0	0	0	
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0			0	0	0	0	0	
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	4.231.550.700			0	0	0	4.231.550.700	0	
	Số thực hiện của đơn vị (5)	240.019.300			0	0	0	240.019.300	0	
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	3.991.531.400			0	0	0	3.991.531.400	0	
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	6%						6%		
1	Ban quản lý các khu công nghiệp									
	Số KTNN kiến nghị (1)	4.231.550.700						4.231.550.700		
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0								
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0								
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	4.231.550.700						4.231.550.700		
	Số thực hiện của đơn vị (5)	240.019.300						240.019.300		
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	3.991.531.400						3.991.531.400		
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	6%						6%		

Giấy nộp tiền ngày 13/6/2017

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC KHU VỰC I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN GIÁM CHI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM 2015 (THỰC HIỆN ĐẾN 10/3/2018)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Nộp NSNN các khoản phải nộp nhưng chưa nộp	Kiến nghị xử lý tài chính khác (giảm giá trị trúng thầu; GT hợp đồng)
1	2	3=4+...+9	4	5	6	7	8	9	10
	Số KTNN kiến nghị (1)	17.687.296.059	3.263.699.556	0	0	6.879.294.116	0	148.519.000	7.395.783.387
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	17.687.296.059	3.263.699.556	0	0	6.879.294.116	0	148.519.000	7.395.783.387
	Số thực hiện của đơn vị (5)	6.943.763.134	964.580.000	0	0	4.505.964.169	0	0	1.473.218.965
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	10.743.532.925	2.299.119.556	0	0	2.373.329.947	0	148.519.000	5.922.564.422
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	39%	30%			66%		0%	20%
1	Huyện Kim Bảng								
	Số KTNN kiến nghị (1)	0	0			0			
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0	0			0			
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0	0			0			
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	0	0			0			
	Số thực hiện của đơn vị (5)	0	0			0			
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	0	0			0			
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%								
2	Thành phố Phủ Lý								
	Số KTNN kiến nghị (1)	323.975.000				299.568.000			24.407.000
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0				0			0
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0				0			0
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	323.975.000				299.568.000			24.407.000
	Số thực hiện của đơn vị (5)	0							
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	323.975.000				299.568.000			24.407.000
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	0%				0%			0%
3	Huyện Duy Tiên								
	Số KTNN kiến nghị (1)	0							
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0							
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0							
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	0							
	Số thực hiện của đơn vị (5)	0							
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	0							
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	0							
4	Ban QLDA vùng phân lũ Hữu Đáy- Sở NN&PTNT								
	Số KTNN kiến nghị (1)	596.027.000				596.027.000			

TT	Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Nộp NSNN các khoản phải nộp nhưng chưa nộp	Kiến nghị xử lý tài chính khác (giảm giá trị trúng thầu; GT hợp đồng)
1	2	3=4+...+9	4	5	6	7	8	9	10
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0				0			
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0				0			
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	596.027.000				596.027.000			
	Số thực hiện của đơn vị (5)	596.027.000				596.027.000			
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	0				0			
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%				100%			
5	BQL các DA Giao thông - sở GTVT Hà Nam								
	Số KTNN kiến nghị (1)	9.988.652.955	2.299.119.556			1.772.547.399		148.519.000	5.768.467.000
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0	0			0		0	0
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0	0			0		0	0
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	9.988.652.955	2.299.119.556			1.772.547.399		148.519.000	5.768.467.000
	Số thực hiện của đơn vị (5)	0	0					0	0
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	9.988.652.955	2.299.119.556			1.772.547.399		148.519.000	5.768.467.000
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	0%	0%			0%		0%	0%
6	BQLDA dự án NN & PTNT Hà Nam								
	Số KTNN kiến nghị (1)	3.355.818.000	964.580.000			2.391.238.000			
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0	0			0			
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0	0			0			
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	3.355.818.000	964.580.000			2.391.238.000			
	Số thực hiện của đơn vị (5)	3.355.818.000	964.580.000			2.391.238.000			
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	0	0			0			
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	100%	100%			100%			
7	BQLDA Đầu tư xây dựng thuộc BQL Khu đại học Nam Cao								
	Số KTNN kiến nghị (1)	82.944.000				81.525.000			1.419.000
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0				0			0
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0				0			0
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	82.944.000				81.525.000			1.419.000
	Số thực hiện của đơn vị (5)	0							
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	82.944.000				81.525.000			1.419.000
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	0%				0%			0,00%
8	Ban quản lý dự án huyện Duy Tiên								
	Số KTNN kiến nghị (1)	3.339.879.104				1.738.388.717			1.601.490.387
	Số kiến nghị điều chỉnh giảm (2)	0				0			0
	Số kiến nghị điều chỉnh tăng (3)	0				0			0
	Số kiến nghị đủ bằng chứng (4=1-2+3)	3.339.879.104				1.738.388.717			1.601.490.387
	Số thực hiện của đơn vị (5)	2.991.918.134				1.518.699.169			1.473.218.965
	Số chưa thực hiện (6=4-5)	347.960.970				219.689.548			128.271.422
	Tỷ lệ thực hiện (7)=(5/4)*100%	90%				87%			92%

TỔNG HỢP CÁC KIẾN NGHỊ KHÁC TẠI TỈNH HÀ NAM (THỰC HIỆN ĐẾN 10/3/2018)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Đơn vị	Số tiền kiến nghị	Số tiền đã thực hiện	Số tiền chưa thực hiện	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	233.728.180.168	26.297.372.748	207.430.807.420	
I	Sở Tài chính theo dõi, giảm trừ khi cấp nguồn CCTL cho các đơn vị	2.175.207.748	2.175.207.748	-	
1	NS tỉnh còn chưa trích đủ nguồn CCTL từ học phí	2.175.207.748	2.175.207.748	-	1021/STC-QLNS ngày 12/6/2017 của Sở Tài chính
II	Hoàn trả các khoản tạm ứng, ứng trước	223.484.388.080	24.122.165.000	199.362.223.080	
1	UBND tỉnh thu hồi các khoản cho TP ứng trước dự án đầu tư cho Thành phố Phủ Lý	8.150.000.000	-	8.150.000.000	
	Thu hồi các khoản vốn đã ứng trước dự án đầu tư đến 31/12/2015 (dư vốn ứng trước chưa hoàn trả đến cuối năm 2015). Thực hiện nghiêm túc các quy định của Luật NSNN về ứng trước kế hoạch vốn.	8.150.000.000	-	8.150.000.000	
	<i>GPMB dự án phát triển các đô thị loại vừa tại Việt nam - tiểu dự án thành phố Phủ Lý</i>	<i>400.000.000</i>		<i>400.000.000</i>	
	<i>Ứng trước cho dự án đường D1 và hạ tầng kỹ thuật hai bên đường thuộc khu đô thị Nam Thanh Châu, Phủ Lý</i>	<i>5.000.000.000</i>		<i>5.000.000.000</i>	
	<i>Giải phóng mặt bằng dự án tổ hợp thương mại - DV tổng hợp tại vị trí trường THPT Chuyên Biên Hòa (cũ)</i>	<i>2.750.000.000</i>		<i>2.750.000.000</i>	
2	Thành phố Phủ Lý hoàn trả NS tỉnh các khoản tạm ứng	26.000.000.000	-	26.000.000.000	
	NSTP chưa nộp trả NS tỉnh các khoản tạm ứng cho các DA ĐTXDCB từ năm 2008 đến 2014	26.000.000.000	-	26.000.000.000	
	<i>Dự án phát triển đô thị loại vừa tại Việt Nam - tiểu dự án thành phố Phủ Lý</i>	<i>6.000.000.000</i>		<i>6.000.000.000</i>	
	<i>GPMB khu vực giữa đường vành đai thành phố nhánh N2, đường gom đường cao tốc và khu vực xung quanh nút giao Liêm Tuyền</i>	<i>20.000.000.000</i>		<i>20.000.000.000</i>	
3	Quý phát triển đất đôn đốc thu hồi các khoản tạm ứng (97.258.924.150-số của KT)	44.502.388.080	24.122.165.000	20.380.223.080	

TT	Đơn vị	Số tiền kiến nghị	Số tiền đã thực hiện	Số tiền chưa thực hiện	Ghi chú
	GPMB khu công nghiệp Đồng Văn I mở rộng	363.747.000	363.747.000	-	3179/UBND-KT ngày 3/11/2017 của UBND tỉnh Hà Nam
	GPMB trả cho Công ty cổ phần Visai 3	4.429.116.000		4.429.116.000	
	GPMB dự án chăn nuôi bò sữa Mộc Bắc	777.418.000	777.418.000	-	2358/QĐ-UBND ngày 27/12/2017 của UBND tỉnh Hà Nam
	GPMB khu công nghiệp Đồng Văn I:	10.981.000.000	10.981.000.000	-	3179/UBND-KT ngày 3/11/2017 của UBND tỉnh Hà Nam
	GPMB cơ sở 2 Bệnh viện Việt Đức	15.951.107.080		15.951.107.080	Ủy nhiệm chi số 34 ngày 13/12/2016
	XD khu tái định cư phục vụ GPMB dự án xây dựng đường vành đai kinh tế T1	2.000.000.000	2.000.000.000	-	1989/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của UBND tỉnh
	Thanh toán công trình nhánh N1 đường vành đai thành phố	10.000.000.000	10.000.000.000	-	1989/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của UBND tỉnh
4	NS tỉnh hoàn trả NSTW các khoản tạm ứng từ 2009 đến 2014	144.832.000.000	-	144.832.000.000	UBND tỉnh đã có văn bản số 2930/UBND-KT ngày 2/12/2016 bố trí hoàn ứng ngân sách trung ương 2016-2020
	KP các công trình thủy lợi để điều cấp bách (Kênh PK huyện Kim Bảng, XD trạm bơm Lạc Tràng II và nạo vét khẩn cấp 1 số kênh CI, II phục vụ chống hạn, ứng	25.000.000.000		25.000.000.000	
	KP Công trình cung cấp nước sạch khu C	15.000.000.000		15.000.000.000	
	KP ứng dụng công nghệ thông tin	1.100.000.000		1.100.000.000	
	KP đường vành đai TP Phủ lý nối với đường cao tốc cầu Rẽ Ninh Bình	3.732.000.000		3.732.000.000	
	KP DA xử lý khẩn cấp sự cố sạt lở khu vực bãi Sóng Hồng K149, 500-K152, 500 huyện Lý Nhân	17.000.000.000		17.000.000.000	
	Dự án Hệ thống thu gom xử lý nước thải thành phố Phủ Lý:	8.000.000.000		8.000.000.000	
	Dự án đường nối 491 với DT 499	15.000.000.000		15.000.000.000	
	Dự án phát triển đô thị loại vừa - tiểu dự án thành phố Phủ Lý	40.000.000.000		40.000.000.000	
	Sử lý khẩn cấp đê kè, chống sạt lở tuyến đê bao hữu Hồng xã Phú Phúc huyện Lý Nhân	20.000.000.000		20.000.000.000	
III	Kiến nghị xử lý tài chính khác lĩnh vực ĐTXDCB	8.068.584.340		8.068.584.340	